

Farzincol

xirô



PHARMEDIC

CÔNG THỨC

- Kẽm sulfat monohydrat0,55 g
 - Tá dược: đường RE, natri benzoat, acid citric, natri citrat, carboxymethyl cellulose natri, vàng tartrazin, tinh dầu cam, nước tinh khiếtvừa đủ 100 ml.
- Mỗi 5 ml xirô chứa kẽm sulfat monohydrat tương đương với 10 mg kẽm.

CHỈ ĐỊNH

Phòng ngừa và điều trị thiếu kẽm trong một số trường hợp như suy dinh dưỡng, tiêu chảy cấp và mạn tính.

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG

- Phòng ngừa thiếu kẽm:
 - Từ 6 tháng đến 12 tháng tuổi: 2,5 ml (5 mg)/ ngày.
 - Trẻ em 1 - 3 tuổi: 2,5 ml (5 mg)/ lần, ngày 2 lần.
 - Trẻ em 3 - 6 tuổi: 2,5 ml (5 mg)/ lần, ngày 3 lần.
 - Trẻ em trên 6 tuổi: 5 ml (10 mg)/ lần, ngày 2 lần.
- Liều điều trị: Theo hướng dẫn của thầy thuốc.
 - Nên giảm liều khi triệu chứng lâm sàng đã được cải thiện.
 - Việc dùng thuốc nên chia liều thành 1 - 2 lần/ ngày, uống sau bữa ăn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Tránh dùng xirô Farzincol trong giai đoạn loét dạ dày tá tràng tiến triển và nôn ói cấp tính.

LƯU Ý - THẬN TRỌNG

Uống kẽm nên cách xa các thuốc có chứa canxi, sắt, đồng khoảng 2-3 giờ để ngăn ngừa tương tranh có thể làm giảm sự hấp thu của kẽm.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Dùng cùng tetracyclin, ciprofloxacin, các chế phẩm chứa sắt, đồng, làm giảm hấp thu kẽm.

PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

Thuốc nên dùng thận trọng ở phụ nữ mang thai và cho con bú.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Không có TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Hiếm khi xảy ra cảm giác khó chịu trong dạ dày, và thường kéo dài vài ngày đầu dùng thuốc, sau đó sẽ giảm dần. Cần báo cho bác sĩ biết bất kỳ tác dụng bất thường nào xảy ra trong lúc điều trị.

* **Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

- Dùng quá liều muối kẽm sẽ có tính ăn mòn, do tạo kẽm clorid bởi acid dạ dày.
- Điều trị bao gồm dùng sữa hay carbonat kiềm và than hoạt tính.

DƯỢC LỰC HỌC

Kẽm là thành phần của nhiều hệ enzym và hiện diện ở tất cả các mô của cơ thể.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Kẽm hấp thu không hoàn toàn từ đường tiêu hóa và sinh khả dụng khoảng 20 - 30%. Kẽm phân phối hầu hết các mô, cao nhất là ở cơ, xương, da và dịch tiền liệt. Thuốc thải trừ chủ yếu ở phân. Lượng nhỏ thải trừ ở thận và mồ hôi.

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN: TCCS

TRÌNH BÀY

- Hộp 1 lọ 20 ml.
- Hộp 1 chai 90 ml.

BẢO QUẢN

- Ở nhiệt độ không quá 30°C.
- Đóng nắp ngay sau khi dùng.
- Chỉ dùng trong 15 ngày sau khi mở nắp.

CTCP DPDL PHARMEDIC: 367 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại nhà máy GMP - WHO: 1/67 Nguyễn Văn Quá, Q.12, TP.HCM, Việt Nam.